

Số: 06 /2023/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức



chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Thực hiện Thông báo số 1604-TB/TU ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương ban hành Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng thay thế Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Công báo TP, Công TTĐT TP;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập



QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND
ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng gồm: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý một số loại tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; xử lý tài sản là kết quả của dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân; thẩm quyền xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Ngoài các quy định cụ thể tại Nghị quyết này, việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ và các quy định khác có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau giữa các văn bản về cùng một nội dung thì thực hiện áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, gồm: Sở, ban, ngành; Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; cơ quan chuyên môn và các cơ quan tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là đơn vị).

3. Văn phòng quận ủy, huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi tắt là tổ chức).

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý tài sản công thuộc

phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Tài sản công thực hiện phân cấp

1. Trụ sở làm việc là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi tắt là trụ sở làm việc).

2. Cơ sở hoạt động sự nghiệp là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở hoạt động sự nghiệp).

3. Nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước thuộc quỹ nhà cho thuê sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh dịch vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng quản lý, vận hành (sau đây gọi tắt là nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh).

4. Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là công trình kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm cơ sở, tiện ích, cấu trúc phục vụ trực tiếp cho việc lưu trữ, xử lý nước và thoát nước thải; lưu trữ, xử lý các loại chất thải rắn; chiếu sáng các khu vực công cộng; chôn cất, hỏa táng, cử hành tang lễ; duy trì cảnh quan đô thị (sau đây gọi tắt là tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật).

5. Tài sản là xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng, xe mô tô, tàu thuyền, xuồng (sau đây gọi chung là phương tiện vận chuyển).

6. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật.

7. Tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (sau đây gọi chung là tài sản khác).

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Việc phân cấp nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. Người được phân cấp thẩm quyền quyết định phải chịu trách nhiệm toàn bộ về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định của Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước



và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của thành phố.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a1) Báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất để thông qua trước khi quyết định mua sắm tài sản có giá dự toán mua sắm từ 100.000 triệu đồng trở lên (không phân biệt loại tài sản);

a2) Quyết định mua sắm đối với tài sản là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyên; tài sản khác có giá dự toán mua sắm từ 1.000 triệu đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm dưới 1.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại điểm d khoản này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm dưới 1.000 triệu đồng (trừ tài sản quy định tại điểm d, đ khoản này).

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức cấp thành phố (sau đây gọi tắt là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố); người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm dưới 200 triệu đồng.

Đối với việc mua sắm nguyên nhiên liệu, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư, vật liệu tiêu hao, công cụ, dụng cụ bảo đảm thường xuyên (theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022) và trang thiết bị y tế để phục vụ các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Y tế: Người đứng đầu đơn vị quyết định mua sắm các nội dung có giá dự toán mua sắm dưới 500 triệu đồng.



đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm dưới 200 triệu đồng.

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thuê tài sản có giá dự toán thuê từ 500 triệu đồng trở lên (với thời hạn thuê 01 năm).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 500 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm) trừ tài sản quy định tại Khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 500 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm) trừ tài sản quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố; người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 100 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 100 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm).

6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh; tài sản kết cấu

hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

b) Tài sản thuộc thẩm quyền thu hồi của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy nhưng không thực hiện thu hồi theo thẩm quyền.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố; người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

b) Tài sản của dự án thuộc cấp thành phố quản lý và tài sản của dự án thuộc cấp huyện quản lý đã kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định điều chuyển tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất để thông qua trước khi quyết định bán tài sản có giá trị nguyên giá từ 100.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (không phân biệt loại tài sản);

b) Quyết định bán đối với tài sản là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định bán tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá từ 200 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố; người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định bán tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý đối với nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất; tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá từ 200 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố; người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền tiêu hủy tài sản công



1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tiêu hủy đối với tài sản nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá từ 200 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố; người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý đối với nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá từ 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá từ 200 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp thành phố; người đứng đầu Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cấp huyện quyết định xử lý tài sản khác

gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp thành phố quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có liên quan.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản là kết quả của dự án (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản)

Việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản) thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy định này.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa.

2. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

4. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

quyết định giải thể theo ủy quyền.

5. Tài sản chuyển giao cho địa phương theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu là phương tiện vận chuyển; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên (trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu là xe mô tô có giá trị từ dưới 150 triệu đồng/01 xe; tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch là phương tiện vận chuyển; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án thành phố, quân sự chuyển giao cho Sở Tài chính là xe mô tô có giá trị dưới 150 triệu đồng/xe, tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch là xe mô tô có giá trị dưới 150 triệu đồng/xe, tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 18. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế thì quyết định phê duyệt phương án xử lý.

Điều 19. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
2. Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
3. Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ).
4. Quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
5. Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
6. Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý đối với tài sản công thuộc thẩm quyền quản lý trên phạm vi toàn thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất quản lý tài sản công do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình quản lý.
2. Ủy ban nhân dân các cấp định kỳ tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường lệ hàng năm:
 - a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý;
 - b) Kết quả thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản công theo quy định tại Nghị quyết này.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm sự cần thiết, sự

phù hợp về tiêu chuẩn, định mức, mục đích, chế độ và tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân thành phố trong việc quyết định các nội dung được phân cấp.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận và cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức việc giám sát của cộng đồng đối với tài sản công.

6. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp tại quy định này và các quy định khác liên quan./.